TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ - ST.
Ngày 11/01/2019.
V/v "Tranh chấp kiện ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Duy.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và bà Trần Thị Hoa.
- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 11tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị Kim M, sinh năm 1991.**
Nơi ĐKNKTT: tổ dân phố T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
Địa chỉ: thôn Vân K, xã C, huyện Duy T, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Ngô Trọng T, sinh năm 1991.
Địa chỉ: tổ dân phố T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
Phiên toà có mặt chị M và anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim M có quan điểm:

Chị và anh Ngô Trọng T lấy nhau có đăng ký kết hôn do cả hai bên tự nguyện vào ngày 25/11/2014 tại UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng hơn một năm và việc kết hôn cũng được gia đình hai bên có tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị chung sống tại gia đình anh T được khoảng một năm thì đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng chị bất đồng về quan điểm sống, cách sống và vợ chồng chị không có tiếng nói chung nên chị đã bỏ về nhà bố chị ở thôn V, xã C ở. Sau thời gian gần 01 năm thì anh T đã lên nhà chị nói chuyện và chị cũng suy nghĩ lại nên vợ chồng chị đã quay lại với nhau và thuê nhà trọ ở xã C, huyện D để ở. Tuy nhiên, cuộc sống chung của vợ chồng chị chỉ kéo dài được hơn hai

năm thì mâu thuẫn giữa vợ chồng chị lại xảy ra việc cãi vã và trầm trọng hơn nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị cùng con gái về nhà bố mẹ chị ở, còn anh T về ở nhà bố mẹ tại phường L, thành phố P và vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Đến nay, bản thân chị xác định tình cảm dành cho anh T không còn, cuộc hôn nhân không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân của vợ chồng chị không đạt được nên xin được ly hôn với anh Ngô Trọng T.

* Bị đơn anh Ngô Trọng T có quan điểm: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị M khai là đúng. Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng anh đã rạn nứt, phai nhạt nhưng vì con gái của vợ chồng anh còn nhỏ và anh muốn cháu được hạnh phúc và có sự chăm sóc của cả bố và mẹ. Do vậy, chị M xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là cháu Ngô Hà L, sinh ngày 30/7/2015 (con gái). Hiện nay, cháu Hà L đang ở với chị M và do chị M nuôi dưỡng. Nếu ly hôn cả chị M và anh T đều xin nuôi con chung và không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị M không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay:

* Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim M có quan điểm: Về hôn nhân chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh T. Về con chung: Chị xin được nuôi con chung là cháu Ngô Hà L và chị không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Các vấn đề khác vợ chồng chị không có, chị không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Ngô Trọng T có quan điểm: Về hôn nhân anh không đồng ý ly hôn với chị M và anh xin Hội đồng xét xử cho vợ chồng anh được đoàn tụ vì vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn, con gái anh cần có sự chăm sóc của cả bố mẹ. Về con chung: Nếu vợ chồng anh phải ly hôn thì anh muốn được ở cạnh con gái nên khi vợ chồng anh ly hôn, anh xin nuôi con chung cháu Ngô Hà L và anh cũng không đề nghị chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Các vấn đề khác vợ chồng anh không có, anh không yêu cầu giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Anh Ngô Trọng T vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải ngày 17/12/2018, ngày 24/12/2018.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 144, 147 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 54, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M với anh T. Xử ly hôn giữa chị M với anh T.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Hà L cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử (HĐXX), thấy:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Kim M có cơ sở xác định quan hệ pháp luật ltranh chấp là " Ly hôn, nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn là anh Ngô Trọng T có nơi cư trú tại tổ dân phố T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị Kim M và anh Ngô Trọng T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/11/2014 tại UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Kim M, HĐXX thấy:

Sau kết hôn vợ chồng chị M và anh T chung sống được gần một năm thì đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách sống nên không có tiếng nói chung. Mặc dù, sau một thời gian vợ chồng anh chị sống ly thân thì anh chị đã tiếp tục cùng nhau chung sống được hơn hai năm nữa nhưng mâu thuẫn của anh chị vẫn xảy ra và ngày càng trầm trọng hơn, ảnh hưởng đến gia đình hai bên nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay đều được hai bên thừa nhận. Quá trình ly thân thì hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau và chấm dứt quan hệ tình cảm. Bản thân anh T không đồng ý

ly hôn nhưng anh không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, Tòa án tiến hành hòa giải giữa vợ chồng anh chị, với mong muốn chị M suy nghĩ lại để đoàn tụ vợ chồng nhưng anh T đều vắng mặt. Điều đó, chứng tỏ anh T không có thiện chí cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị M và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M với anh T là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là cháu Ngô Hà L, sinh ngày 30/7/2015 (con gái). Hiện nay, cháu Hà L đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị M và anh T, HĐXX thấy: Nguyện vọng xin nuôi con chung của anh chị là chính đáng, thể hiện quyền và trách nhiệm của cha mẹ với con chung. Tuy nhiên xét điều kiện thực tế về mọi mặt về việc chăm sóc và nuôi dạy con chung thấy: Cháu Ngô Hà L mới được hơn 03 tuổi, lại là con gái nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do đó, cần giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Con nuôi, con riêng: vợ chồng thống nhất không có, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 143; điều 144; điều 147; điều 227; điều 271; điều 273; điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 54; 56;57; 81; 82;83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử ly hôn giữa: Chị Phạm Thị Kim M và anh Ngô Trọng T.

[2] Về con chung: Giao chị Phạm Thị Kim M được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Ngô Hà L, sinh ngày 30/7/2015 (con gái), cho đến khi cháu Ngô Hà L trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Ngô Trọng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Phạm Thị Kim M và anh Ngô Trọng T thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Kim M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Chị M được đối trừ với 300.000đ mà chị đã nộp tạm ứng án phí

theo biên lai số AA/2015/0001933 ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị Phạm Thị Kim M đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, chị M, anh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Duy